

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Khung kế hoạch giảng dạy năm học 2025 – 2026
đối với ngành Y khoa K42 (niên khóa 2020 – 2026)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-YDHP ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành chương trình đào tạo y khoa dựa trên năng lực;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-YHDP ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Khung kế hoạch giảng dạy năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Điều chỉnh Khung kế hoạch giảng dạy năm học 2024 – 2025 đối với ngành Y khoa K42, niên khóa 2020 - 2026 (có nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Quản lý Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Hành chính tổng hợp, Trưởng các Khoa/Bộ môn, Đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website, công thông tin sinh viên;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



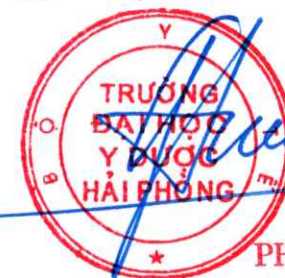
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025 - 2026 * TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
NGÀNH Y KHOA CHÍNH QUY
KHÓA K42 - NIÊN KHÓA 2020 - 2026
(Ban hành kèm theo QĐ số: 1878/QĐ-YDHP, ngày 18/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

		HỌC KỲ I (20 tuần)																				HỌC KỲ II (22 tuần)										NGHI HÈ/HỌC KỲ PHỤ																																												
Tháng		T8/2025				T9/2025				T10/2025				T11/2025				T12/2025				T1/2026				T2/2026				T3/2026				T4/2026				T5/2026		T6/2026					T7/2026																															
Tuần	28/7 - 03/8	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51																								
Từ ngày		04/08	11/08	18/08	25/08	01/09	08/09	15/09	22/09	29/09	06/10	13/10	20/10	27/10	03/11	10/11	17/11	24/11	01/12	08/12	15/12	22/12	29/12	05/01	12/01	19/01	26/01	02/02	09/02	16/02	23/02	02/03	09/03	16/03	23/03	30/03	06/04	13/04	20/04	27/04	04/05	11/05	18/05	25/05	01/06	08/06	15/06	22/06	29/06	06/07	13/07	20/07																								
Đến ngày		09/08	16/08	23/08	30/08	06/09	13/09	20/09	27/09	04/10	11/10	18/10	25/10	01/11	08/11	15/11	22/11	29/11	06/12	13/12	20/12	27/12	03/01	10/01	17/01	24/01	31/01	07/02	14/02	21/02	28/02	07/03	14/03	21/03	28/03	04/04	11/04	18/04	25/04	02/05	09/05	16/05	23/05	30/05	06/06	13/06	20/06	27/06	04/07	11/07	18/07	25/07																								
Y6 K42 (N6) Nhóm 1 K42CD (117 SV)		Chăm sóc sức khỏe ban đầu			Tự chọn 1 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 2 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Truyền nhiễm				YHCT - Ngoại ngữ 7				Tự chọn 3 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 4 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Thi LT TN		NGHI TẾT NGUYỄN ĐÁN		Tốt nghiệp - LS																																											
Nhóm 2 K42AB (113 SV)		YHCT - Ngoại ngữ 7			Chăm sóc sức khỏe ban đầu				Truyền nhiễm				Tự chọn 1 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 2 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 3 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 4 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)																												Thi LT TN		NGHI TẾT NGUYỄN ĐÁN		Tốt nghiệp - LS																			
Nhóm 3 K42EF (121 SV)		Chăm sóc sức khỏe ban đầu			Tự chọn 1 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 2 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 3 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Truyền nhiễm				YHCT - Ngoại ngữ 7				Tự chọn 4 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Thi LT TN		NGHI TẾT NGUYỄN ĐÁN		Tốt nghiệp - LS																																											
Nhóm 4 K42GH (121 SV)		Truyền nhiễm			Chăm sóc sức khỏe ban đầu				Tự chọn 1 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 2 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 3 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				Tự chọn 4 (chọn 1/11 môn: YHGD, Tâm thần, Thần kinh, Da liễu, Mắt, TMH, YHB, GMHS, Ung bướu, PHCN, Lao&Bệnh phổi)				YHCT - Ngoại ngữ 7																												Thi LT TN		NGHI TẾT NGUYỄN ĐÁN		Tốt nghiệp - LS																			

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Dinh Thị Thanh Mai*